TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ái Loan;

Ông Huỳnh Thanh Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã T, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau; tạm trú: tổ 14, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lê Chí H, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã T, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau; tạm trú: tổ 14, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Chí H chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 30/2014 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau cấp ngày 17-3-2014. Hôn nhân tự nguyện.

Sau khi cưới, vợ chồng chị C nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do gia đình bên chồng và chồng không tôn trọng chị và gia đình chị. Anh H thường xuyên chửi mắng và đánh chị. Tiền chị đi làm về không được cất giữ và sử dụng như ý muốn, anh H luôn cho rằng chị là người ăn bám, anh hay ghen tuông, luôn cho rằng chị có mối quan hệ với người đàn ông khác. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Việc chồng chị bị đánh tại nhà không có ai làm chứng, còn đánh tại Công ty nơi chị C làm việc thì mọi người trong Công ty làm chứng có văn bản xác nhận. Chị C khuyên bảo nhiều lần anh H vẫn không thay đổi. Mặt khác, từ chuyện vợ chồng xích mích thì hai bên gia đình sui gia cũng có mâu thuẫn và không còn nói chuyện được với nhau nữa. Gia đình bên chồng không tin tưởng chị C.

Vợ chồng hiện không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Lê Như H, sinh ngày 23-6-2015, cháu H hiện nay đang sống với anh H tại tổ 14, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Chị C yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Hiện chị C đang làm Công ty tại gỗ tại B, thu nhập mỗi tháng từ 9.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng, chị đủ điều kiện nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy bản tự khai đề ngày 22-10-2019 và quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Lê Chí H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị C trình bày là đúng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2017 cho đến nay, chủ yếu về cách nuôi dạy con trong gia đình, cách cư xử với người lớn trong gia đình, vợ không tôn trọng chồng và bố mẹ chồng, đi đâu, làm gì với ai không báo cho ai biết. Anh H thừa nhận có xúc phạm vợ và gia đình bên vợ, nhưng không đánh vợ. Hiện vợ chồng đã không còn sống chung. Nay, chị C yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, do anh còn thương vợ con nên không muốn ly hôn, anh sẽ khắc phục những khuyết điểm dẫn đến việc ly hôn.

Về con chung: Anh H thừa nhận vợ chồng có 01 con chung như chị C trình bày, con chung đang sống với anh H do khi vợ chồng xích mích chị C dọn ra ngoài ở riêng. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý giao con chung cho vợ nuôi dưỡng, lý do vợ sống một mình không đủ điều kiện nuôi con. Anh H có đủ điều kiện nuôi con cụ thể như sau: thu nhập 15.000.000 đồng/tháng, anh có nhà dưới quê Cà Mau và còn ở chung nhà với bố mẹ, được bố mẹ hỗ trợ trong việc chăm con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh H không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 16 tháng 10 năm 2019, cán bộ Tư pháp hộ tịch thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Chí H sống chung với nhau tại khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Anh H, chị C đến địa phương sinh sống, làm công nhân, mâu thuẫn giữa chị C và anh H trong thời gian chung sống với nhau thì địa phương không có thông tin do anh chị không nhờ chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết mâu thuẫn gia đình.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình tố tụng, không bổ sung gì khác. Tại phiên tòa chị C cung cấp bản sao kê tài khoản khách hàng tên Nguyễn Thị C có xác nhận của Ngân hàng Thương mại Đ chi nhánh M – phòng giao dịch B.

Bị đơn anh H giữ nguyên lời trình bày, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau: về hôn nhân: cho chị C ly hôn với anh H; về con chung: giao cho chị C nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị C khởi kiện anh Lê Chí H, yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Lê Chí H có nơi cư trú tại tổ 14, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của chị Nguyễn Thị C và anh Lê Chí H là hôn nhân hợp pháp. Chị C yêu cầu ly hôn anh H, do anh H không tôn trọng chị C và gia đình chị, thường xuyên có hành vi đánh chị, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Quá trình tố tụng, anh H không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có giải pháp cứu vãn mối quan hệ vợ chồng đã rạn nứt trong thời gian dài, anh H cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, tại giấy xác nhận sự việc đề ngày 11-10-2019 do chị C cung cấp có xác nhận của bảo vệ khu công nghiệp và những người chứng kiến xác nhận nội dung, anh H đánh chị C tại nơi làm việc. Có cơ sở xác định chị C và anh H không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Anh H có hành vi bạo lực đối với chị C là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị C yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị C và anh H có 01 con chung là cháu Lê Như H, sinh ngày 23-6-2015. Chị C yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Anh H không đồng ý giao con chung cho chị C nuôi dưỡng và có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét, ngoài hợp đồng lao động và đơn xin xác nhận đủ điều kiện nuôi cháu của ông Lê Ngọc G (cha ruột anh H) thì anh H không cung cấp bảng lương hoặc bản sao kê tài khoản để chứng minh thu nhập thực tế nên không có cơ sở xem xét. Chị C cung cấp hợp đồng lao động, phiếu lương tháng 8 và tháng 9 năm 2019 và bảng kê tiền vào tài khoản mang tên Nguyễn Thị C có xác nhận của Ngân hàng Đ, có cơ sở xác định chị C có nơi ở, có việc làm, thu nhập thực tế ổn định đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con. Ngoài ra, cháu H còn nhỏ chỉ mới 04 tuổi, cần có sự chăm sóc của người mẹ. Để đảm bảo quyền, lợi ích mọi mặt của cháu H, Hội đồng xét xử xét giao cháu H cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C, anh H không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, khoản 1 Điều 59, các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C đối với bị đơn anh Lê Chí H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Lê Chí H.

Về nuôi con chung: giao cháu Lê Như H, sinh ngày 23-6-2015 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Chí H không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị C đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/00021270 ngày 15-10-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 30/2014 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau cấp ngày 17-3-2014;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ánh Tuyết